

**TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM  
AN PHÁT TRỌN ĐỜI**

An Phát Trọn Đời là sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung cung cấp Quyền Lợi Đầu Tư đồng thời mang lại sự Bảo Vệ Toàn Diện trọn đời trước những rủi ro trong cuộc sống. Chỉ với phí đóng 60.000.000 đồng/năm, tương đương khoảng 164400 đồng/ngày, Quý khách sẽ nhận được các Quyền lợi sau:

- Được bảo vệ trước rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn (do tai nạn) với Số tiền bảo hiểm 1.100.000.000 đồng.
- Được chi trả khoản tiền mặt tương đương 50% Quyền lợi bảo hiểm tử vong (tối đa 500.000.000 đồng) để hỗ trợ điều trị bệnh trong trường hợp bị bệnh hiểm nghèo.
- Phí bảo hiểm phân bổ được tích lũy và đầu tư theo Lãi suất công bố của Bảo Việt Nhân thọ, sinh lời an toàn và đều đặn hàng năm.
- Được hưởng Quyền lợi duy trì Hợp đồng và Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản.
- Quyền lợi đáo hạn dự kiến: 28.180.812.000 đồng (đã bao gồm Quyền lợi duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản).\*
- Luôn được bảo vệ ngay cả khi tạm ngừng đóng phí bảo hiểm (trong khi Hợp đồng vẫn còn hiệu lực).
- Có thể rút Giá trị Tài khoản.

(\**) Giá trị tính theo mức Lãi suất đầu tư dự kiến là 6,3%/năm.*

**Bên mua bảo hiểm : Nguyễn Văn A**

**Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A**

**Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân thọ:** Thành lập năm 1996, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là công ty Bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam và liên tục là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kết quả kinh doanh dẫn đầu thị trường trong những năm qua. Bảo Việt Nhân thọ được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH ngày 23/11/2007 và các Giấy phép điều chỉnh sau đó. Vốn điều lệ: 4.150 tỷ đồng.

**Trụ sở chính:** Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Tổng đài** 1900 558899 **Fax** 024.35770958

**Tư vấn viên:** Trực tiếp

Địa chỉ liên hệ: Bảo Việt Nhân Thọ

Mã số:

Điện thoại:



**QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA AN PHÁT TRỌN ĐỜI**

- Quyền lợi đáo hạn:** bằng toàn bộ Giá trị Tài khoản Hợp đồng khi Người được bảo hiểm sống đến độ tuổi được lựa chọn để nhận Quyền lợi đáo hạn.
- Quyền lợi duy trì Hợp đồng:** nếu phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, quyền lợi này sẽ được cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng vào Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 và mỗi 5 năm sau đó.
- Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản:** Khi Hợp đồng không tạm ngừng đóng phí và đang trong thời hạn đóng phí bảo hiểm theo quy định, nếu Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi đạt mức quy định, Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản sẽ được trả bằng cách cộng vào Giá trị Tài khoản hợp đồng:

	<b>Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi</b>	<b>Tỷ lệ % trên lớp Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản</b>
Lớp thứ nhất	Từ 0 đến 250 triệu đồng	0%
Lớp thứ hai	Từ trên 250 triệu đồng đến 500 triệu đồng	0,2%
Lớp thứ ba	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	0,4%
Lớp thứ tư	Từ trên 1 tỷ đồng	0,6%

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong:** Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm gia tăng và Giá trị Tài khoản Hợp đồng. Trường hợp Quyền lợi tử vong của Hợp đồng là Quyền lợi Vượt trội thì kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm Người được bảo hiểm đạt 70 tuổi quyền lợi này sẽ tự động chuyển thành Quyền lợi Cơ bản trừ khi Quý khách yêu cầu giữ nguyên.
- Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn:** bằng 100% Quyền lợi bảo hiểm tử vong.
- Quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo:** 50% Quyền lợi bảo hiểm tử vong (nhưng không quá 500 triệu đồng) sẽ được ứng trước khi Người được bảo hiểm không may mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối và Hợp đồng đã có hiệu lực từ 12 tháng trở lên. Số tiền đã ứng trước sẽ được khấu trừ khi chi trả các quyền lợi khác hoặc khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

**7. Các quyền khác của Bên mua bảo hiểm**

Quý khách có thể chủ động và linh hoạt lập kế hoạch bảo hiểm và đầu tư (phù hợp với quy định tại Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng và của Bảo Việt Nhân thọ) như sau:

- Lựa chọn/Thay đổi lựa chọn Quyền lợi tử vong
- Lựa chọn/Thay đổi Số tiền bảo hiểm và/hoặc Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm
- Lựa chọn nhận Quyền lợi đáo hạn
- Lựa chọn/Thay đổi thời hạn đóng phí bảo hiểm
- Lựa chọn/Thay đổi Phí bảo hiểm đóng theo hóa đơn sau 2 năm
- Tham gia các Sản phẩm hỗ trợ để gia tăng quyền lợi bảo vệ
- Đóng thêm Phí bảo hiểm để gia tăng đầu tư
- Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng
- Tạm ứng từ Giá trị giải ước (“Giá trị hoàn lại”)
- Tạm ngừng đóng phí
- Khôi phục Hợp đồng

**Lưu ý:** Để được chấp nhận bảo hiểm, tuổi của Người được bảo hiểm phải từ 0 đến 65 tuổi.



## CÁC LOẠI PHÍ

- Phí bảo hiểm rủi ro:** Phí bảo hiểm rủi ro được xác định căn cứ vào tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm rủi ro, nghề nghiệp, sức khỏe, độ tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và các quy định liên quan của Bảo Việt Nhân thọ.
- Phí ban đầu:**

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm định kỳ	50%	25%	20%	15%	10%	2,5%
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm	8%	6%	6%	6%	5%	2,5%

- Phí quản lý Hợp đồng:** 20.000 đồng/tháng.
- Phí quản lý Quỹ liên kết chung:** 2%/năm tính trên phần giá trị của Hợp đồng trong Quỹ liên kết chung. Mức Phí quản lý Quỹ liên kết chung có thể thay đổi nhưng sẽ không quá 3%/năm.
- Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng:** trong khoảng từ 0,25%/năm đến 1%/năm tính trên phần giá trị của Hợp đồng trong Quỹ liên kết chung. Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng không rút ra khỏi Quỹ liên kết chung và Quyền lợi duy trì hợp đồng tương ứng với Phí khuyến khích duy trì hợp đồng sẽ thuộc về Quý khách nếu Hợp đồng được duy trì đến ngày nhận Quyền lợi duy trì Hợp đồng.
- Phí chấm dứt Hợp đồng** được thu khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn trong 07 năm phân bổ đầu tiên. Cụ thể:

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	6	7	Từ năm thứ 8 trở đi
Phí chấm dứt Hợp đồng (% Phí bảo hiểm định kỳ quy năm)	100%	100%	90%	80%	70%	50%	25%	0%

- Phí rút trước và phí dịch vụ:** được áp dụng khi có khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng và được tính theo tỷ lệ thuận với Phí chấm dứt Hợp đồng theo Năm phân bổ. Khi rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng Quý khách chịu thêm Phí dịch vụ (hiện tại là 100.000 đồng). Trong mỗi Năm hợp đồng, Quý khách được miễn Phí dịch vụ cho lần rút đầu tiên.
- Phí kiểm tra sức khỏe:** bằng phí thực tế phát sinh. Quý khách chỉ phải chịu phí này trong một số trường hợp.
- Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng:** 0,3% Số tiền bảo hiểm gốc, tối thiểu: 60.000 đồng, tối đa: 300.000 đồng. Quý khách chỉ phải chịu phí này trong một số trường hợp.

Phí quản lý Hợp đồng và Phí dịch vụ có thể được Bảo Việt Nhân thọ điều chỉnh hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố.



**THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM DỰ KIẾN**

Ngày dự thảo: 15/03/2021

	Họ và tên	Ngày sinh	Tuổi được bảo hiểm	Giới tính	CMND/Thẻ CCCD/ HC/GKS	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm đồng thời là Người được bảo hiểm	Nguyễn Văn A	01/01/1986	35	Nam		Kinh doanh - Giám đốc/Quản lý/Chủ cơ sở kinh doanh
Người được bảo hiểm bổ sung 01	Nguyễn Thị B	01/01/1989	32	Nữ		K

**Thông tin về Hợp đồng chính An Phát Trọn Đời**

Số tiền bảo hiểm: 1.100.000.000 đồng Lựa chọn tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm: 0% Quyền lợi bảo hiểm tử vong: Quyền lợi Cơ bản Lựa chọn nhận Quyền lợi đáo hạn: Tại tuổi 95	Thời hạn đóng phí: 20 năm Định kỳ đóng Phí bảo hiểm: năm Phí bảo hiểm định kỳ: 30.000.000 đồng Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ: 30.000.000 đồng
--	---



**Thông tin về Quyền lợi của Sản phẩm bảo trợ**

Sản phẩm bảo trợ	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí năm (đồng)	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi
<b>Sản phẩm bảo trợ cho Người được bảo hiểm:</b>				
Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)	50.000.000	1.215.000	657 Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)
Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17)		1.107.000	37 Bệnh lý nghiêm trọng và 8 Bệnh ung thư phụ nữ	Hợp đồng chính và Sản phẩm bảo trợ này được miễn Phí bảo hiểm định kỳ (trừ Phí đóng thêm) kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo
<b>Tổng phí SPBT cho Người được bảo hiểm</b>		<b>2.322.000</b>		
<b>Sản phẩm bảo trợ cho Người hôn phối của BMBH:</b>				
Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)	50.000.000	1.690.000	657 Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)
Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR12)	200.000.000	226.400	Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)
Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR13)	200.000.000	362.240	Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn.	100% Số tiền bảo hiểm
Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17)		1.866.000	37 Bệnh lý nghiêm trọng và 8 Bệnh ung thư phụ nữ	Hợp đồng chính và Sản phẩm bảo trợ này được miễn Phí bảo hiểm định kỳ (trừ Phí đóng thêm) kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo
<b>Tổng phí SPBT cho Người hôn phối của BMBH</b>		<b>4.144.640</b>		



Tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng chính (không bao gồm phí đóng thêm nếu có) và các Sản phẩm bổ trợ: 36.466.640 đồng

Lưu ý:

- Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ trong tài liệu minh họa này làm tròn theo đơn vị đồng.
- Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ không vượt quá thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính.
- Sản phẩm bổ trợ Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR12), Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR13) có thời hạn bảo hiểm 1 năm và sẽ được tự động tái tục vào ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm với mức phí bảo hiểm không thay đổi.
- Sản phẩm bổ trợ Bảo hiểm Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16) có thời hạn bảo hiểm 1 năm và sẽ được tự động tái tục vào ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm với mức phí bảo hiểm tại ngày tái tục.
- Sản phẩm bổ trợ Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17) có thời hạn bảo hiểm tối đa bằng thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính và có phí bảo hiểm không thay đổi.
- Các Quyền lợi (\*) sẽ chi trả theo quy định cụ thể nêu tại Điều khoản Sản phẩm bổ trợ đối với trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi.
- Sản phẩm bổ trợ có áp dụng quy định hạn mức chi trả tối đa theo quy định tại Điều khoản Sản phẩm bổ trợ tương ứng.
- Độ tuổi có thể được bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ:
  - + Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR12), Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR13), Bảo hiểm Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16): Từ 01 đến 60 tuổi. Độ tuổi trên 60 có thể được tiếp tục bảo hiểm nếu đã tham gia bảo hiểm liên tục ít nhất 5 năm, nhưng tuổi tối đa khi kết thúc bảo hiểm không quá 70 tuổi.
  - + Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17): Từ 01 đến 60 nhưng tuổi tối đa khi kết thúc thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ không quá 65 tuổi.



**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG CHÍNH**

Đơn vị: **ngàn đồng** (trừ khi được nêu rõ)

Năm HĐ / Tuổi	Phí BH đóng trong năm		Phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào GTTK	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 6,3%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết			
	Phí BH định kỳ	Phí BH đóng thêm định kỳ			Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước
1/35	30.000	30.000	17.400	42.600	2.904	1.100.000	42.027	12.027	2.905	1.100.000	41.496	11.496	2.905	1.100.000	41.496	11.496
2/36	30.000	30.000	9.300	50.700	2.922	1.100.000	95.292	65.292	2.925	1.100.000	93.549	63.549	2.925	1.100.000	93.097	63.097
3/37	30.000	30.000	7.800	52.200	2.921	1.100.000	153.529	126.529	2.928	1.100.000	149.793	122.793	2.932	1.100.000	147.876	120.876
4/38	30.000	30.000	6.300	53.700	2.901	1.100.000	216.999	192.999	2.917	1.100.000	210.396	186.396	2.926	1.100.000	206.381	182.381
5/39	30.000	30.000	4.500	55.500	2.863	1.100.000	286.450	265.450	2.892	1.100.000	275.968	254.968	2.912	1.100.000	267.831	246.831
6/40	30.000	30.000	1.500	58.500	2.780	1.100.000	363.550	348.550	2.826	1.100.000	348.035	333.035	2.868	1.100.000	332.959	317.959
7/41	30.000	30.000	1.500	58.500	2.644	1.100.000	445.798	438.298	2.716	1.100.000	423.927	416.427	2.791	1.100.000	400.185	392.685
8/42	30.000	30.000	1.500	58.500	2.451	1.100.000	533.463	533.463	2.558	1.100.000	503.831	503.831	2.678	1.100.000	469.621	469.621
9/43	30.000	30.000	1.500	58.500	2.227	1.100.000	627.134	627.134	2.381	1.100.000	588.129	588.129	2.562	1.100.000	541.429	541.429
10/44	30.000	30.000	1.500	58.500	1.923	1.100.000	727.312	727.312	2.138	1.100.000	677.091	677.091	2.399	1.100.000	615.703	615.703
11/45	30.000	30.000	1.500	58.500	1.470	1.100.000	845.340	845.340	1.769	1.100.000	780.977	780.977	2.153	1.100.000	694.465	694.465
12/46	30.000	30.000	1.500	58.500	951	1.100.000	960.987	960.987	1.353	1.100.000	881.035	881.035	1.912	1.100.000	766.807	766.807
13/47	30.000	30.000	1.500	58.500	298	1.100.000	1.085.190	1.085.190	831	1.100.000	987.129	987.129	1.608	1.100.000	841.224	841.224
14/48	30.000	30.000	1.500	58.500	0	1.218.025	1.218.025	1.218.025	184	1.100.000	1.099.615	1.099.615	1.236	1.100.000	917.800	917.800



Năm HĐ / Tuổi	Phí BH đóng trong năm		Phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào GTTK	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 6,3%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết			
	Phí BH định kỳ	Phí BH đóng thêm định kỳ			Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vòng (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vòng (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vòng (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước
15/49	30.000	30.000	1.500	58.500	0	1.360.151	1.360.151	1.360.151	0	1.218.493	1.218.493	1.218.493	789	1.100.000	996.703	996.703
16/50	30.000	30.000	1.500	58.500	0	1.525.181	1.525.181	1.525.181	0	1.355.628	1.355.628	1.355.628	179	1.100.000	1.087.399	1.087.399
17/51	30.000	30.000	1.500	58.500	0	1.688.229	1.688.229	1.688.229	0	1.488.615	1.488.615	1.488.615	0	1.171.075	1.171.075	1.171.075
18/52	30.000	30.000	1.500	58.500	0	1.862.508	1.862.508	1.862.508	0	1.629.032	1.629.032	1.629.032	0	1.256.890	1.256.890	1.256.890
19/53	30.000	30.000	1.500	58.500	0	2.049.060	2.049.060	2.049.060	0	1.777.480	1.777.480	1.777.480	0	1.344.978	1.344.978	1.344.978
20/54	30.000	30.000	1.500	58.500	0	2.247.876	2.247.876	2.247.876	0	1.933.815	1.933.815	1.933.815	0	1.435.215	1.435.215	1.435.215
21/55	0	0	0	0	0	2.420.775	2.420.775	2.420.775	0	2.056.571	2.056.571	2.056.571	0	1.481.742	1.481.742	1.481.742
22/56	0	0	0	0	0	2.573.036	2.573.036	2.573.036	0	2.159.153	2.159.153	2.159.153	0	1.511.134	1.511.134	1.511.134
23/57	0	0	0	0	0	2.735.254	2.735.254	2.735.254	0	2.267.106	2.267.106	2.267.106	0	1.541.181	1.541.181	1.541.181
24/58	0	0	0	0	0	2.906.939	2.906.939	2.906.939	0	2.379.961	2.379.961	2.379.961	0	1.571.694	1.571.694	1.571.694
25/59	0	0	0	0	0	3.089.828	3.089.828	3.089.828	0	2.498.713	2.498.713	2.498.713	0	1.602.885	1.602.885	1.602.885
26/60	0	0	0	0	0	3.315.388	3.315.388	3.315.388	0	2.648.365	2.648.365	2.648.365	0	1.650.349	1.650.349	1.650.349
27/61	0	0	0	0	0	3.524.480	3.524.480	3.524.480	0	2.780.834	2.780.834	2.780.834	0	1.683.187	1.683.187	1.683.187
28/62	0	0	0	0	0	3.745.774	3.745.774	3.745.774	0	2.919.317	2.919.317	2.919.317	0	1.716.534	1.716.534	1.716.534
29/63	0	0	0	0	0	3.981.510	3.981.510	3.981.510	0	3.065.037	3.065.037	3.065.037	0	1.750.622	1.750.622	1.750.622
30/64	0	0	0	0	0	4.232.097	4.232.097	4.232.097	0	3.218.042	3.218.042	3.218.042	0	1.785.392	1.785.392	1.785.392





Năm HĐ / Tuổi	Phí BH đóng trong năm		Phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào GTTK	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 6,3%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết			
	Phí BH định kỳ	Phí BH đóng thêm định kỳ			Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước
31/65	0	0	0	0	0	4.541.340	4.541.340	4.541.340	0	3.410.907	3.410.907	3.410.907	0	1.838.202	1.838.202	1.838.202
32/66	0	0	0	0	0	4.826.552	4.826.552	4.826.552	0	3.580.824	3.580.824	3.580.824	0	1.874.642	1.874.642	1.874.642
33/67	0	0	0	0	0	5.130.377	5.130.377	5.130.377	0	3.759.619	3.759.619	3.759.619	0	1.911.892	1.911.892	1.911.892
34/68	0	0	0	0	0	5.453.343	5.453.343	5.453.343	0	3.947.354	3.947.354	3.947.354	0	1.949.887	1.949.887	1.949.887
35/69	0	0	0	0	0	5.797.429	5.797.429	5.797.429	0	4.144.917	4.144.917	4.144.917	0	1.988.729	1.988.729	1.988.729
36/70	0	0	0	0	0	6.218.943	6.218.943	6.218.943	0	4.392.082	4.392.082	4.392.082	0	2.047.222	2.047.222	2.047.222
37/71	0	0	0	0	0	6.610.489	6.610.489	6.610.489	0	4.611.440	4.611.440	4.611.440	0	2.087.924	2.087.924	2.087.924
38/72	0	0	0	0	0	7.026.701	7.026.701	7.026.701	0	4.841.765	4.841.765	4.841.765	0	2.129.440	2.129.440	2.129.440
39/73	0	0	0	0	0	7.470.133	7.470.133	7.470.133	0	5.084.150	5.084.150	5.084.150	0	2.171.880	2.171.880	2.171.880
40/74	0	0	0	0	0	7.939.443	7.939.443	7.939.443	0	5.337.541	5.337.541	5.337.541	0	2.214.979	2.214.979	2.214.979
41/75	0	0	0	0	0	8.517.200	8.517.200	8.517.200	0	5.656.012	5.656.012	5.656.012	0	2.280.055	2.280.055	2.280.055
42/76	0	0	0	0	0	9.053.536	9.053.536	9.053.536	0	5.938.567	5.938.567	5.938.567	0	2.325.414	2.325.414	2.325.414
43/77	0	0	0	0	0	9.624.946	9.624.946	9.624.946	0	6.235.914	6.235.914	6.235.914	0	2.371.782	2.371.782	2.371.782
44/78	0	0	0	0	0	10.229.703	10.229.703	10.229.703	0	6.546.765	6.546.765	6.546.765	0	2.418.871	2.418.871	2.418.871
45/79	0	0	0	0	0	10.873.926	10.873.926	10.873.926	0	6.873.857	6.873.857	6.873.857	0	2.467.006	2.467.006	2.467.006
46/80	0	0	0	0	0	11.664.344	11.664.344	11.664.344	0	7.283.452	7.283.452	7.283.452	0	2.539.297	2.539.297	2.539.297



Năm HĐ / Tuổi	Phí BH đóng trong năm		Phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào GTTK	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 6,3%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết			
	Phí BH định kỳ	Phí BH đóng thêm định kỳ			Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QL từ vong (QLBH chính)	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước
47/81	0	0	0	0	0	12.400.605	12.400.605	12.400.605	0	7.648.193	7.648.193	7.648.193	0	2.589.952	2.589.952	2.589.952
48/82	0	0	0	0	0	13.179.835	13.179.835	13.179.835	0	8.029.500	8.029.500	8.029.500	0	2.641.395	2.641.395	2.641.395
49/83	0	0	0	0	0	14.009.917	14.009.917	14.009.917	0	8.430.729	8.430.729	8.430.729	0	2.693.980	2.693.980	2.693.980
50/84	0	0	0	0	0	14.892.293	14.892.293	14.892.293	0	8.852.019	8.852.019	8.852.019	0	2.747.617	2.747.617	2.747.617
51/85	0	0	0	0	0	15.975.717	15.975.717	15.975.717	0	9.379.784	9.379.784	9.379.784	0	2.828.044	2.828.044	2.828.044
52/86	0	0	0	0	0	16.979.671	16.979.671	16.979.671	0	9.847.477	9.847.477	9.847.477	0	2.884.238	2.884.238	2.884.238
53/87	0	0	0	0	0	18.049.143	18.049.143	18.049.143	0	10.339.604	10.339.604	10.339.604	0	2.941.680	2.941.680	2.941.680
54/88	0	0	0	0	0	19.185.990	19.185.990	19.185.990	0	10.856.338	10.856.338	10.856.338	0	3.000.271	3.000.271	3.000.271
55/89	0	0	0	0	0	20.397.184	20.397.184	20.397.184	0	11.400.124	11.400.124	11.400.124	0	3.060.166	3.060.166	3.060.166
56/90	0	0	0	0	0	21.873.577	21.873.577	21.873.577	0	12.076.324	12.076.324	12.076.324	0	3.149.238	3.149.238	3.149.238
57/91	0	0	0	0	0	23.251.364	23.251.364	23.251.364	0	12.679.894	12.679.894	12.679.894	0	3.211.980	3.211.980	3.211.980
58/92	0	0	0	0	0	24.715.952	24.715.952	24.715.952	0	13.313.642	13.313.642	13.313.642	0	3.275.977	3.275.977	3.275.977
59/93	0	0	0	0	0	26.276.318	26.276.318	26.276.318	0	13.980.569	13.980.569	13.980.569	0	3.341.399	3.341.399	3.341.399
60/94	0	0	0	0	0	27.927.748	27.927.748	27.927.748	0	14.677.785	14.677.785	14.677.785	0	3.407.836	3.407.836	3.407.836

Tổng Phí bảo hiểm đóng: 1.200.000.000 đồng. Trong đó: Phí bảo hiểm định kỳ: 600.000.000 đồng, Phí bảo hiểm đóng thêm: 600.000.000 đồng.



Đơn vị: **nghìn đồng**

	Với Lãi suất dự kiến 6,3%/năm	Với Lãi suất dự kiến 5%/năm	Với Lãi suất cam kết
<b>Tổng lũy tích của Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng tại tuổi 95</b>	2.637.833	1.381.979	319.073
<b>Tổng lũy tích của Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản tại tuổi 95</b>	703.527	335.050	63.144
<b>Quyền lợi đáo hạn (đã bao gồm Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản và Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng)</b>	Tại ngày kỷ niệm Hợp đồng khi NĐBH đạt tuổi 95	28.180.812	14.810.682
			3.438.585

Ghi chú:

- Số liệu về Quyền lợi bảo hiểm tử vong, Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Giá trị giải ước nêu trên được xác định tại cuối Năm hợp đồng.
- Giá trị giải ước (“Giá trị hoàn lại”) là số tiền Quý khách nhận được (nếu có) khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trước thời hạn theo các quy định tương ứng trong Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm. Giá trị này được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng. Giá trị giải ước được xác định theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Các giá trị minh họa theo Lãi suất cam kết là các giá trị được đảm bảo.
- Các giá trị minh họa theo Lãi suất dự kiến là các giá trị không được đảm bảo. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung có thể cao hơn hoặc thấp hơn Lãi suất dự kiến.
- Phí quản lý Hợp đồng đã được khấu trừ khi tính toán Giá trị Tài khoản Hợp đồng và các giá trị liên quan.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng, Quyền lợi đáo hạn và Giá trị giải ước trong bảng trên đã bao gồm Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản và Quyền lợi duy trì Hợp đồng.
- Các giá trị minh họa được làm tròn theo đơn vị nghìn đồng (trừ khi được nêu rõ). Do việc làm tròn này, giá trị thể hiện theo đơn vị đồng có thể khác so với khi thể hiện theo đơn vị nghìn đồng.



## LÃI SUẤT CAM KẾT VÀ LÃI SUẤT CÔNG BỐ CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

Lãi suất cam kết như sau:

Năm hợp đồng	Năm 1	Năm 2	Năm 3 và Năm 4	Năm 5	Từ Năm 6 đến Năm 10	Từ Năm thứ 11 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu	5,0%/năm	4,5%/năm	4,0%/năm	3,5%/năm	3,0%/năm	2,0%/năm

Trong các năm qua, Bảo Việt Nhân thọ là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có Lãi suất công bố cho sản phẩm liên kết chung cao nhất trên thị trường. Cụ thể, Lãi suất công bố bình quân 5 năm qua của Bảo Việt Nhân thọ là 6,31%/năm trong đó Lãi suất công bố cao nhất là 6,8%/năm (năm 2016).



**PHÍ BẢO HIỂM TÁI TỤC CỦA CÁC SẢN PHẨM BỔ TRỢ**

**Sản phẩm bổ trợ: Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)**

**Người được bảo hiểm:** Nguyễn Văn A

Số tiền bảo hiểm: 50.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
36	1.270.000	37	1.285.000
38	1.310.000	39	1.400.000
40	1.470.000	41	1.595.000
42	1.670.000	43	1.760.000
44	1.875.000	45	1.935.000
46	1.995.000	47	2.045.000
48	2.110.000	49	2.200.000
50	2.290.000	51	2.380.000
52	2.480.000	53	2.550.000
54	2.690.000		

**Người được bảo hiểm:** Nguyễn Thị B

Số tiền bảo hiểm: 50.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
33	1.690.000	34	1.710.000
35	1.745.000	36	1.830.000
37	1.875.000	38	1.910.000
39	1.935.000	40	1.935.000
41	2.010.000	42	2.010.000
43	2.015.000	44	2.015.000
45	2.030.000	46	2.050.000
47	2.075.000	48	2.130.000
49	2.245.000	50	2.335.000
51	2.435.000		



## QUÝ KHÁCH LƯU Ý

- Những số liệu trong Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này được xác định tại thời điểm minh họa theo nhu cầu, thông tin Quý khách cung cấp và dựa trên giả định rằng Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn, theo định kỳ đóng Phí bảo hiểm mà Quý khách lựa chọn và trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng, do vậy có thể cao hơn, hoặc thấp hơn so với số liệu minh họa nêu trên.
- Phí bảo hiểm rủi ro của Hợp đồng chính An Phát Trọn Đời và Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm có đủ điều kiện được chấp nhận bảo hiểm phí chuẩn theo các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.
- Việc tham gia Hợp đồng An Phát Trọn Đời là một cam kết dài hạn, do vậy việc không đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, giảm Phí bảo hiểm, dừng đóng Phí bảo hiểm, rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng trong các năm đầu là KHÔNG có lợi. Theo quy định hiện hành của Bảo Việt Nhân thọ, Phí bảo hiểm đóng theo hóa đơn KHÔNG được giảm trong 02 Năm hợp đồng đầu tiên.
- Hợp đồng An Phát Trọn Đời sẽ tự động chấm dứt hiệu lực và Quý khách sẽ không được nhận lại Phí bảo hiểm đã đóng và/hoặc Giá trị giải ước của Hợp đồng (nếu có) nếu Quý khách không đóng Phí bảo hiểm định kỳ trong thời gian gia hạn đóng phí là 60 ngày (kể từ ngày đến hạn đóng phí trong trường hợp Hợp đồng chưa có Giá trị giải ước hoặc kể từ ngày Giá trị giải ước của Hợp đồng sau khi trừ Khoản nợ không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng).
- Quyền lợi bảo hiểm cùng những nội dung khác liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng của Hợp đồng chính và các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) được quy định chi tiết trong Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm An Phát Trọn Đời và Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ tương ứng.



## XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN (ĐẠI LÝ BẢO HIỂM)

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ có tên và mã số dưới đây tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng, điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Trọn Đời và Sản phẩm hỗ trợ mua kèm (nếu có). Tôi đồng thời cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

Nguyễn Văn A

\_\_\_\_\_

Bên mua bảo hiểm

\_\_\_\_\_

Chữ ký

\_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) ký tên dưới đây, cam kết đã tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Quý khách có tên nêu trên về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng và điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Trọn Đời và Sản phẩm hỗ trợ mua kèm (nếu có).

Trực tiếp

\_\_\_\_\_

Tư vấn viên

\_\_\_\_\_

Chữ ký

\_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm

